



PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG XỊT
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Khoáng xịt MINA
Product name : Spraying minerals MINA
Mã sản phẩm : TM-SM
Product code : TM-SM
Mục đích sử dụng : TM-SM (MINA) dùng để xịt vào mặt và cơ thể, giúp bổ sung khoáng qua đường da, ngăn ngừa lão hóa da, giữ ẩm, làm sạch, và giúp da khỏe mạnh...
Product use : TM-SM (MINA) is applied for face and body, supplementing mineral through skin preventing from aging, maintaining moisture, cleaning, and keep skin healthy, ...

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City
Website : www.wm-vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (mg/L) Content (mg/L)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
K ⁺	Potassium	400-600
Na ⁺	Sodium	2000-6000
Ca ²⁺	Calcium	100-1400
Mg ²⁺	Magnesium	100-1400
Zn ²⁺	Zinc	10-200
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	200-600
CO ₃ ²⁻	Carbonate	4-200
SO ₄ ²⁻	Sulphate	2000-14000
Cl ⁻	Chloride	2000-10000
SiO ₃ ²⁻	Metasilicate	60-600

Khoáng xịt TM-SM (MINA) màu trắng đục, mùi khoáng nhẹ.
TM-SM (MINA) has opaque white color and slighty mineral smell.

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm *Hazards Identification*

1. Cảnh báo nguy hiểm / *Warning*

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / *Routes of exposure and symptoms*

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

IV. Biện pháp sơ cứu *First aid measures*

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xốn mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố *Accidental release measures*

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại để tránh trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

VI. Xử lý và bảo quản
Handling and storage

1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling

- Tránh tiếp xúc với mắt.
Avoid contact with eyes.

2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage

- Không có lưu ý đặc biệt.
No specific caution.

VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân
Exposure Controls/Personal Protection

- Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt.
Engineering Controls: No specific caution.
- Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân.
Personal Protection: No safety ware needed.

VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm
Physical and Chemical Properties

- Trạng thái: Lỏng
Status: Liquid
- Khối lượng riêng: 1.17 kg/L
Density: 1.17 kg/L
- pH: 8.5 - 9.0

IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng
Stability and Reactivity

- Khả năng phản ứng: Không phản ứng.
Reactivity: Not reaction
- Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm.
Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions
- Tính ổn định hóa học: Ổn định
Chemical stability: Stable

X. Thông tin về độc tính
Toxicological Information

- Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương.
Inhalation: No effect on respiratory.
- Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da.
Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.
- Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây xốn mắt.
Eye contact: Contact may cause redness and tearing.
- Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa.
Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.

XI. Thông tin về sinh thái
Ecological information

- Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái.
Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.
- Đối với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone .
Its vapour is not harmful to ozone layer
- Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết
Other adverse effects: Unknown

XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ
Disposal considerations

- Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương.
Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.
- Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít.
Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.

XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển
Transportation information

- Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt.
Special Provisions for Transport: No specific requirement.

XIV. Thông tin khác
Other information

- Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 24/9/2022
Re-editted at: 24/9/2022
- Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh
Re-editted by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
TECHNICAL DATA SHEET
KHOÁNG XỊT TM-SM (MINA)

BHSD / Edition:

04:2021/TME

Ngày ban hành / Valid:

20/4/2021

1. Xuất xứ / Origin

Khoáng xít TM-SM (MINA) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).

Minerals TM-SM (MINA) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

2. Thành phần / Composition

Khoáng TM-SM (MINA) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.

Minerals TM-SM is produced from inorganic minerals.

Khoáng xít TM-SM có mùi khoáng nhẹ, không màu.

TM-SM has slightly mineral smell and no color.

3. Công năng / Performance

TM-SM (MINA) dùng để xít vào mặt và cơ thể, giúp bổ sung khoáng qua đường da, ngăn ngừa lão hóa da, giữ ẩm, làm sạch, và giúp da khỏe mạnh...

TM-SM (MINA) is applied for face and body, supplementing mineral through skin preventing from aging, maintaining moisture, cleaning, and keep skin healthy, ...

Khi sử dụng, xít MINA vào mặt hoặc trên cơ thể.

Spread MINA on face or body.

Định lượng: Không có định lượng.

Dose for application: No dosage applied.

4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information

Bao bì / Packing: Chai nhôm 100mL / Aluminium bottle 100mL

Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp
/ Stored in fresh & dry place, avoid direct sunlight

Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.

Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.